TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 215/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2018
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Tấn Phước;**
2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái.**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày **04** tháng **7** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà P, sinh năm: 1987.

Cư trú: tổ 7, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông M, sinh năm: 1989.

Cư trú: ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà P có mặt, ông M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà P, trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông M là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2005. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng bà sử dụng chất ma túy, bỏ bê vợ con không lo cho gia đình, bà khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Thậm chí, bà có nhờ đến chính quyền địa phương để nhắc nhở ông M nhưng ông còn ra tay đánh đập bà nhiều lần nên bà đã ly thân với ông M hơn 02 năm nay. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông nên quyết định xin ly hôn.

Về con chung: Bà và ông M có 02 con chung tên R, sinh ngày: 30/6/2005 và R, sinh ngày: 18/01/2007, hiện đang do bà nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông M không có tài sản chung nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông M từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết công khai thông báo thụ lý và hòa giải nhưng ông vẫn không có mặt và Tòa án đã đến tận nhà của ông để ghi lời khai nhưng do ông không có mặt ở địa phương nên đã tiến hành lập biên bản về việc không làm việc được với đương sự vào ngày 08 tháng 5 năm 2018.

Chứng cứ thu thập được:

Bà N là hàng xóm của ông P và bà M trình bày:

Bà là hàng xóm của vợ chồng ông M và bà P, nhà bà chỉ cách nhà ông M khoảng 03- 04 căn nhà. Theo bà được biết thì vợ chồng bà P và ông M đã mâu thuẫn nhau từ 02 năm nay nguyên nhân là do ông M bị nghiện ma túy hiện đã bỏ nhà đi và đang chung sống với người khác ở CamPuChia, để lại mẹ già đang bị bệnh không ai chăm sóc. Thấy hoàn cảnh như vậy, nên qua nhà chăm sóc cho mẹ của M và nghe bà ấy kể lại nên bà biết được nội dung sự việc.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà P kiện xin ly hôn với ông M. Ông M hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Ph và ông M có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2010 làm phát sinh trách nhiệm pháp lý, quyền và nghĩa vụ của các bên, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà P xin ly hôn với ông M, HĐXX xét thấy:

Mặc dù, Tòa án không trực tiếp làm việc được với ông M và ông cũng không tham gia hòa giải tại Tòa án. Tuy nhiên, qua làm việc với bà P và qua kết quả xác minh tại địa

phương xã N có thể nhận định rằng, bà P và ông M đã có một thời gian dài không chung sống cùng nhau và hiện tại ông M cũng không chung sống cùng bà P, hiện nay ông đang chung sống với người phụ nữ khác, điều này phù hợp với kết quả xác minh qua lời trình bày của bà N.

Từ đó, có thể thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông M đã không có được hạnh phúc. Nguyên nhân, mâu thuẫn chủ yếu là do ông M nghiện chất ma túy, bỏ bê không chăm lo gia đình và có quan hệ tình cảm với người khác. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy yêu cầu ly hôn của bà P là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung:

Xét yêu cầu của bà P về việc tiếp tục nuôi hai cháu là R, sinh ngày: 30/6/2005 và R, sinh ngày: 18/01/2007.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay hai cháu sống chung với bà P tình cảm giữa bà và hai cháu đã thật sự gắn bó. Do đó, để đảm bảo sự chăm sóc cho cháu, cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, sự ổn định về mặt tâm lý, sự gắn bó giữa tình cảm mẹ con, tình chị em của hai cháu. Bên cạnh đó, hai cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với bà P. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao hai cháu cho bà P được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét thấy nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết:

Bà P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà P được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà P được tiếp tục nuôi dạy hai con chung tên R, sinh ngày: 30/6/2005 và R, sinh ngày: 18/01/2007.

Công nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm(được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0002814 ngày 06/3/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/7/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKS (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND An Phú (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS An Phú (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Lê Thanh Hoàng